

Số: 888 /TB-HĐTDVC

Quận 12, ngày 05 tháng 6 năm 2023

### THÔNG BÁO

#### Công bố danh mục tài liệu ôn tập và hình thức xét tuyển phỏng vấn (vòng 2) kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023

Căn cứ Quyết định số 2746/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 về ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Căn cứ Thông báo số 3551/TB-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023 thông báo nội dung ôn tập và hình thức xét tuyển phỏng vấn (vòng 2) kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023 theo Danh mục tài liệu đính kèm.

Thí sinh dự tuyển có thể truy cập trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Quận 12 vào địa chỉ: <http://www.quan12.hochiminhcity.gov.vn> hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <http://www.pgdquan12.hcm.edu.vn> để tải nội dung ôn tập và hình thức xét tuyển.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan thông báo cho thí sinh dự tuyển chủ động tra cứu tài liệu ôn tập theo danh mục tài liệu đính kèm thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- UBND quận (PCT/VX);
- Văn phòng UBND quận;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Trung tâm GDNN - GDTX;
- Các ĐVSN giáo dục công lập;
- Trang thông tin điện tử Quận 12;
- Lưu: VT, NV.Hi.

**TM. HỘI ĐỒNG  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**TRƯỞNG PHÒNG NỘI VỤ  
Đặng Thị Kiều Nhi**



**HÌNH THỨC XÉT TUYỂN PHÒNG VẤN (VÒNG 2) KỲ TUYỂN DỤNG  
VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Thông báo số 888 /TB-HD TDVC ngày 05 tháng 6 năm 2023  
của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023)

**A. ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN VÀO CÁC VỊ TRÍ GIÁO VIÊN**

1. Thời gian phỏng vấn của mỗi người dự tuyển là 30 phút.

2. Mỗi người dự tuyển phải hoàn thành 02 nội dung sau:

2.1. Phỏng vấn về phương pháp giảng dạy:

a) Đối với giáo viên mầm non: Người dự tuyển trình bày cách thức thực hiện giờ học với một trong những yêu cầu sau: Tạo hình, làm quen chữ viết, làm quen với toán, làm quen môi trường xung quanh, làm quen văn học, làm quen âm nhạc, làm quen hoạt động phát triển thể chất (thể dục).

b) Đối với giáo viên tiểu học và giáo viên trường chuyên biệt: Người dự tuyển trình bày giảng dạy một hoặc một số nội dung về: Khái niệm, định nghĩa, bài tập hoặc nội dung liên quan trong chương trình sách giáo khoa lớp 1, 3 - Bộ sách Chân trời sáng tạo của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*thí sinh được phép mang theo sách giáo khoa; không được mang theo sách giáo viên, sách hướng dẫn giảng dạy vào phòng phỏng vấn*).

c) Đối với giáo viên trung học cơ sở: Người dự tuyển trình bày giảng dạy một hoặc một số nội dung về: Khái niệm, định nghĩa, bài tập hoặc nội dung liên quan trong chương trình sách giáo khoa lớp 6, 7 - Bộ sách Chân trời sáng tạo của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. (*thí sinh được phép mang theo sách giáo khoa; không được mang theo sách giáo viên, sách hướng dẫn giảng dạy vào phòng phỏng vấn*).

d) Đối với giáo viên trung học phổ thông: Người dự tuyển trình bày giảng dạy một hoặc một số nội dung về: Khái niệm, định nghĩa, bài tập hoặc nội dung liên quan trong chương trình sách giáo khoa lớp 10, 11, 12 theo chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (*thí sinh được phép mang theo sách giáo khoa; không được mang theo sách giáo viên, sách hướng dẫn giảng dạy vào phòng phỏng vấn*).

2.2. Trả lời câu hỏi về kiến thức chung; kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ theo từng bậc học.



**B. ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN VÀO VỊ TRÍ NHÂN VIÊN**

1. Thời gian phỏng vấn của mỗi người dự tuyển là 30 phút.
2. Mỗi người dự tuyển phải hoàn thành 02 nội dung sau:
  - 2.1. Trả lời câu hỏi về kiến thức chung;
  - 2.2. Trả lời câu hỏi liên quan đến chuyên ngành của vị trí đăng ký dự tuyển./.

**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**



**DANH MỤC**  
**TÀI LIỆU ÔN TẬP KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**  
**NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Thông báo số **888** /TB-HĐTDVC ngày **05** tháng 6 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023)

**A. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG**

1. Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
2. Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
3. Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
5. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;
6. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
7. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;
8. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
9. Quyết định số 16/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đạo đức nhà giáo;
10. Thông tư liên tịch số 06/2015/TT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập (*dành cho người dự tuyển vào các trường mầm non*);
11. Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập (*dành cho người dự tuyển vào các trường tiểu học, trường chuyên biệt và trường trung học cơ sở*);





12. Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học (*dành cho người dự tuyển vào các trường tiểu học, trường chuyên biệt*);

13. Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (*dành cho người dự tuyển vào các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông*);

14. Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non (*dành cho người dự tuyển vào các trường mầm non*);

15. Một số kiến thức cơ bản về ứng công nghệ thông tin trong làm việc (Power Point, Word).

## **B. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH**

### **I. Vị trí giáo viên mầm non**

1. Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

2. Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

3. Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

4. Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non;

5. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

### **II. Vị trí giáo viên tiểu học và giáo viên trường chuyên biệt**

1. Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;



2. Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

3. Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

4. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

5. Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

6. Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông;

7. Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học;

8. Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập;

9. Thông tư số 20/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

10. Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

11. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;



### **III. Vị trí giáo viên trung học cơ sở**

1. Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

2. Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

3. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

4. Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

5. Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập;

6. Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

7. Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

8. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

### **IV. Vị trí giáo viên trung học phổ thông**

1. Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên;



2. Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp;

3. Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

4. Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học viên theo học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông;

5. Thông tư liên tịch số 39/2015/TTLT-BLĐTĐBXH-BGDĐT-BNV ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên;

6. Thông tư số 57/2015/TT-BLĐTĐBXH ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trung tâm giáo dục nghề nghiệp;

7. Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

8. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

9. Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập;

10. Thông tư số 21/2021/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học viên theo học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 26/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

U NGH  
HỘI V  
S CHỈ



11. Thông tư số 29/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định ngưng hiệu lực quy định về chuẩn trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

12. Thông tư số 43/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học viên theo học Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông;

13. Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trọng các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

14. Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Quận 12.

#### **V. Vị trí nhân viên kế toán**

1. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

2. Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán;

3. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp;

4. Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

#### **VI. Vị trí nhân viên văn thư**

1. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

2. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

#### **VII. Vị trí nhân viên y tế**

1. Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

2. Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học;

3. Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

### **VIII. Vị trí nhân viên thư viện**

1. Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện;

2. Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;

3. Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

### **IX. Vị trí nhân viên thiết bị, thí nghiệm**

Thông tư số 21/2022/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức thiết bị, thí nghiệm trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

### **X. Vị trí nhân viên công nghệ thông tin**

1. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

2. Thông tư số 08/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin;

3. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và công nghệ thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.





## **XI. Vị trí nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật**

1. Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập;

2. Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

## **HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**